| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 202/2021/QĐST-HNGĐ | *Quận 7, ngày 09 tháng 4 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 728/2020/TLST–HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Đặng Thị T, sinh năm 1970
- Ông Trần Ngọc S, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ thường trú: 1041/62/196/2 đường S, Tổ 32, khu phố N, phường H, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Ngọc S và bà Đặng Thị T được xác lập vào năm 2006, có đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự hiện nay đang cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và có đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, nên đây là việc thuận tình ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định của Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Khoản 2 Điều 29; Điều 35; Điểm h, Khoản 2, Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình giải quyết việc dân sự các đương sự thống nhất trình bày:

Bà Đặng Thị T và ông Trần Ngọc S qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1999, không có tổ chức lễ cưới. Năm 2006 có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 162, quyển số: 01/2006 do UBND phường H, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/12/2006).

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai có nhiều bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vả, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay cả hai đã không còn tình cảm. Cả hai xác định mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa công nhận thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung:

Bà Đặng Thị T và ông Trần Ngọc S có 02 con chung, họ và tên là:

+ Trần Yến V (Nữ), sinh ngày 22/10/2000 (Đã thành niên);

+ Trần Gia L (Nam), sinh ngày: 16/04/2005;

Bà Đặng Thị T và ông Trần Ngọc S thoả thuận sau khi ly hôn, bà Đặng Thị T sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi con chung là trẻ Trần Gia L. Ông Trần Ngọc S không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Ngọc S được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét việc thỏa thuận nuôi con chung của các đương sự không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về quan hệ nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị T và ông Trần Ngọc S thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 162, quyển số: 01/2006 do UBND

phường H, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/12/2006 không còn giá trị pháp lý).

- Về quan hệ con chung: Bà Đặng Thị T và ông Trần Ngọc S có 02 con chung, họ và tên là:

+ Trần Yến V (Nữ), sinh ngày 22/10/2000 (đã trưởng thành); và

+ Trần Gia L (Nam), sinh ngày: 16/04/2005;

Giao con chung là trẻ Trần Gia L (Nam), sinh ngày: 16/04/2005 cho bà Đặng Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ông Trần Ngọc S không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Ngọc S được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định là không có.
- Về nợ chung: Các đương sự xác định là không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2019/0041870 ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND phường H, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (TK. Xuân Duyên).

**THẨM PHÁN**
**(Đã đóng dấu, ký tên)**

**Đào Lê Anh**